

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-PT**

Ngày 12 - 7 - 2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi
con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa

Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên

Trong các ngày 11 và 12 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 16/2022/TLPT- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị bị đơn là anh Hà Mạnh C có Đơn kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐPT- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3A, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: 115 đường 2/9, KP5, thị trấn T, huyện T, Đồng Nai

- *Bị đơn:* **Anh Hà Mạnh C**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Đường 5, tổ 3A, KP5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Nguyễn Ngọc Thái H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Lê Thị Phương O, sinh năm 1994. Địa chỉ: KP5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền vào ngày 25/3/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Hà Mạnh C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/11/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau khi cưới thì hai vợ chồng về chung sống với cha mẹ anh Cường tại tổ 3A, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, trong cuộc sống gia đình có nhiều xích mích, chị không nhận được sự chia sẻ, cảm thông của anh C khiến cho cuộc sống gia đình ngột ngạt và không có hạnh phúc. Hiện tại chị và anh C đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm của chị dành cho anh C không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con là cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Hà Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị T trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Việc sống chung với gia đình anh đôi khi có xảy ra xích mích, va chạm và cãi vã đó là điều không thể tránh khỏi. Chị T muốn hai vợ chồng dọn ra ngoài sống, không sống chung với bố mẹ anh nhưng anh chưa đồng ý, đến ngày 18/9/2021, chị T tự ý đưa con ra ngoài sinh sống. Anh thừa nhận từ lúc chị Tú ra ngoài sống thì anh có đến thăm con nhưng không khuyên nhủ chị T quay về

nhà. Anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Hà Mạnh C.

- *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017.

Buộc anh C phải giao cháu cháu K cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm thời chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh C. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số 0000529 ngày 25 tháng 11 năm 2021.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 26/01/2022, bị đơn là anh Hà Mạnh C có Đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có ý kiến:

1. Về chấp hành pháp luật Tố tụng: chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận Đơn kháng cáo của anh Hà Mạnh C. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017 cho anh Hà Mạnh C được trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Các kiến nghị khác: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn Hà Mạnh C được làm trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Đối với việc tham gia tố tụng của Nguyễn Ngọc Thái H, Lê Thị Phương O tại phiên tòa phúc thẩm là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hà Mạnh C trong việc trình bày, giao nộp chứng cứ và các văn bản tố tụng theo quy định. Vì tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hà Mạnh C có mặt và trực tiếp có ý kiến đối với các nội dung có kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung Đơn kháng cáo của bị đơn Hà Mạnh C, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thị Cẩm T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Hà Mạnh C là quan hệ hôn

nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Cấp sơ thẩm đánh giá hôn nhân của chị T và anh C: “Thực tế hai người đều thừa nhận không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu và tôn trọng nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, qua đó càng chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh C bế tắc và không thuyết phục được chị T trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và cần chấp thuận cho chị T được ly hôn với anh C’ là có cơ sở và tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và anh C có ý kiến thống nhất ly hôn theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh C có 01 con chung là cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017.

Cấp sơ thẩm đánh giá:

- “Cả chị T và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự; về điều kiện nuôi con của chị T và anh C, hiện tại anh, chị đều có công việc ổn định, thu nhập tương đương nhau, nên về điều kiện nuôi con anh chị đều có đủ điều kiện”;

- Việc cấp sơ thẩm, “xét thấy cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy xét quyền lợi về mọi mặt của con thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017 cho chị T nuôi dưỡng và do chị T không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con nên cấp sơ thẩm không xem xét”.

(Đây là nội dung anh Hà Mạnh C có Đơn kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm)

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét.

- Nợ chung: Các đương sự khai không có.

[2.2] Đối với nội dung Đơn kháng cáo của anh Hà Mạnh C:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hà Mạnh C cung cấp chứng cứ:

1. Đơn xác nhận của Trường mẫu giáo H (nơi cháu Hà Tuấn K học) có nội dung “cháu K học chăm ngoan; được ông bà nội và ba đưa đón đúng giờ; bé được gia đình chăm sóc chu đáo”;

2. 01 (một)USB thể hiện nội dung trò chuyện giữa anh Hà Mạnh C và cháu Hà Tuấn K (được anh Hà Mạnh C trích xuất nội dung tại văn bản vào ngày 04/7/2022 thể hiện nội dung “cháu K muốn ở với bố C”);

Và cũng tại phiên tòa phúc thẩm,

- Anh Hà Mạnh C xác nhận khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thì chị Trần Thị Cẩm T cùng với cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017 ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống. Được khoảng hơn 02 tháng (đến tháng 12/2021) thì anh thấy điều kiện chị T chăm sóc con không tốt (phải thuê trọ) nên mang con chung về nhà nuôi dưỡng với sự phụ giúp của cha mẹ (anh cũng xác định không có ý định tranh chấp nuôi con với chị Trần Thị Cẩm T nhưng sau khi nghe thông tin chị T sẽ mang con về quê ở T vì sợ đường xe không gặp được con nên anh có ý kiến đề nghị được chăm sóc con);

- Chị Trần Thị Cẩm T không có ý kiến đối với nội dung các chứng cứ anh Hà Mạnh C cung cấp nêu trên, chị Trần Thị Cẩm T xác định có đủ điều kiện nuôi con và ngoài ra còn có sự giúp đỡ của người thân;

Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

- Quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, cả chị Trần Thị Cẩm T và anh Hà Mạnh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự;

- Về điều kiện nuôi con của chị Trần Thị Cẩm T và anh Hà Mạnh C, như cấp sơ thẩm xác định: hiện tại anh, chị đều có công việc ổn định, thu nhập tương đương nhau, nên về điều kiện nuôi con anh chị đều có đủ điều kiện;

- Trong khi đó, cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017, tại thời điểm xét xử là chưa tròn 05 tuổi nên việc anh Hà Mạnh C cung cấp tài liệu thể hiện cháu K muốn ở với bố là chưa thể hiện ý chí của cháu vì cháu còn quá nhỏ (theo luật hôn nhân gia đình thì Tòa án chỉ căn cứ vào nguyên vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên để ưu tiên giao con cho ai nuôi nhưng cũng ý nghĩa tương đối) và trong độ tuổi này, cháu Hà Tuấn K cần phải có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ như bản án sơ thẩm đã đánh giá “xét quyền lợi về mọi mặt của con thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp” là có cơ sở;

- Trong khi đó, việc tranh chấp nuôi con như anh Hà Mạnh C là xuất phát từ việc cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi con và xuất phát từ việc “nghe thông tin chị Tú sẽ mang con về quê ở T vì sợ đường xa không gặp được con nên anh có ý kiến đề nghị được chăm sóc con”; trong khi về điều kiện kinh tế, anh Hà Mạnh C phải sống phụ thuộc cha mẹ về nhà cửa và như anh Hà Mạnh C trình bày là phải nhờ sự trợ giúp nhiều của cha mẹ trong việc đưa đón cháu;

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử trên cơ sở bảo vệ quyền lợi chính đáng của người mẹ và thực tế “xét quyền lợi về mọi mặt của con thì tại thời điểm hiện nay” thì việc giao cháu Hà Tuấn K cho chị Trần Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp”. Do đó, trên cơ sở quy định tại khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận Đơn kháng cáo của anh Hà Mạnh C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy không trực tiếp nuôi con nhưng anh Hà Mạnh C có quyền đi lại, thăm nom con không ai được ngăn cản và sau này nếu thấy chị Trần Thị T không có đủ điều kiện nuôi con thì anh Hà Mạnh C có quyền làm Đơn gửi đến Tòa án có thẩm quyền để xin thay đổi quyền nuôi con.

(Lưu ý cấp sơ thẩm có nhận định tài sản chung, nợ chung nhưng không tuyên trong phần quyết định là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm bổ sung theo quy định)

[3] Về án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình : Trên cơ sở quy định tại Điều 147. Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đối với án phí dân sự phúc thẩm : Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Hà Mạnh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) – anh Hà Mạnh C đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000491 ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 000529 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Nai đã được Hội đồng xét xử thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của anh Hà Mạnh C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 28, 38, 147, 148, 286, 293, 294, 313, 315 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Hà Mạnh C.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 29/11/2017. Tạm thời, chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Hà Mạnh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Hà Mạnh C phải giao cháu cháu Hà Tuấn K cho chị Trần Thị Cẩm T chăm sóc nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Hà Mạnh C. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

2. Về án phí:

Đối với án phí dân sự phúc thẩm : anh Hà Mạnh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) – anh Hà Mạnh C đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000491 ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm : Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 000529 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phương Đông